

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1-VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 155/2026/DS-ST
Ngày 14 tháng 5 năm 2026
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Thanh Tân

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Trần Khánh Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 554/2025/TLST-DS, ngày 23 tháng 12 năm 2025, về tranh chấp dân sự “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2026/QĐST-DS, ngày 30 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Trần Văn X, sinh ngày 25/3/1961; căn cước công dân số 086061009264; địa chỉ số I, khóm T, phường L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp: Võ Tuấn V, sinh năm 1983; địa chỉ số A, khóm T, phường T, tỉnh Vĩnh Long, đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 27/11/2025) (có mặt).

* **Bị đơn:**

- Mai Thị M (tên khác Nguyễn Thị M1, theo xác nhận số 1040/UBND, ngày 14/5/2026 của Ủy ban nhân dân phường T), sinh năm 1982 (vắng mặt)

- Nguyễn Văn T, sinh ngày 01/01/1979; căn cước công dân số 086079006022 (có mặt).

Cùng địa chỉ số B, tổ A, khóm V, phường T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/12/2025 và đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung các ngày 12/12/2025, 04/5/2026 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn Trần Văn X trình bày:

Giữa ông Trần Văn X với vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Mai Thị M (tên thường gọi là Nguyễn Thị M1) là chỗ quen biết. Lúc cần tiền, vợ chồng ông T, bà M (M1) vay tiền của ông X nhiều lần, đến tháng 7/2025 bà M1 có làm Tờ cam kết có mượn của ông X số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) nhưng đã trả 20.000.000đ, còn lại 80.000.000đ, đồng thời bà M1 cam kết trả dần mỗi tháng 6.000.000đ, bắt đầu từ ngày 30/7/2025 (âl) cho đến khi hết nợ.

Tuy nhiên đến nay bà M1 vẫn cố tình không trả. Do đó, ông X khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà M1 cùng có nghĩa vụ trả cho ông X số tiền 80.000.000đ, không yêu cầu trả tiền lãi.

*** Bị đơn Mai Thị M (M1)** không có văn bản nêu ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết.

*** Bị đơn Nguyễn Văn T** không có văn bản nêu ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm ông T trình bày:

Ông và bà Mai Thị M (tên thường gọi là Nguyễn Thị M1) chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2011 đến khoảng năm 2018 mới đăng ký kết hôn nhưng hiện nay đang làm thủ tục xin ly hôn, bởi vì giữa ông X và bà M1 có quan hệ bất chính, mờ ám, hai người thường xuyên điện thoại qua lại với nhau. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông X thì ông không đồng ý, bởi vì ông không quen biết ông X, cũng không có vay tiền của ông X; còn bà M1 có vay tiền của ông X hay không thì ông không biết, bà M1 cũng không thông báo cho ông biết; trong Tờ cam kết cũng không có chữ ký của ông. Do đó, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng, trừ bà M.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn X. Buộc bà Mai Thị M (tên thường gọi là Nguyễn Thị M1) có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn X số tiền gốc bằng 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông X về việc buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ liên đới cùng với bà M trả nợ cho ông X. Về lãi suất không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông X được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm; buộc bà M chịu 4.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi theo hợp đồng vay đã ký kết, bị đơn có địa chỉ tại phường T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó đây là tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025 thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân khu vực 1, tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Bà Mai Thị M (M1) (là bị đơn không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà M.

[3] **Về nội dung:** Căn cứ vào “Tờ cam kết” không ngày, tháng, năm 2025 thể hiện bà Nguyễn Thị M1 (tên thật là Mai Thị M) có vay của ông Trần Văn X số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), đã trả 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) là có thật. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bà M1 biết nhưng bà M1 không có ý kiến phản đối. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận tình tiết này là sự thật không cần phải chứng minh. Tuy nhiên, ông X khởi kiện yêu cầu ông T cùng với bà M có nghĩa vụ trả nợ cho ông X, Hội đồng xét xử thấy tại Tờ cam kết không có chữ ký hay điểm chỉ của ông T, mặt khác, ông T cũng không thừa nhận có vay tiền hoặc sử dụng nguồn tiền vay của ông X. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông T vay tiền của ông X hoặc sử dụng nguồn tiền bà M vay của ông X, do đó, ông X yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả nợ cùng với bà M1 là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét về hợp đồng vay cho thấy các bên không có thỏa thuận mức lãi suất, nhưng có thời hạn thanh toán, cho nên, đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, cho nên, ông X không yêu cầu tiền lãi là có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận. Từ những nhận định trên, có căn cứ buộc bà M (M1) có nghĩa vụ trả cho ông X số tiền gốc 80.000.000đ là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] **Về án phí dân sự sơ thẩm:** Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông X nên ông X phải chịu 300.000đ, bà M chịu 4.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nhưng ông X là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí cho nên miễn toàn bộ án phí cho ông X theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Vĩnh Long là có cơ sở, phù hợp pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về nội dung:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn X. Buộc bà Mai Thị M (tên thường gọi là Nguyễn Thị M1) có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn X số tiền gốc bằng 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của ông X về việc buộc ông Nguyễn Văn T cùng với bà M có nghĩa vụ trả nợ cho ông X.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp có quy định khác.

2. Về án phí

Buộc bà Mai Thị M chịu 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn X được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL;
- VKSND KV1-VL;
- Thi hành án DS tỉnh VL;
- Các đ/s;
- Lưu: Hồ sơ,...

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Tấn Thành